



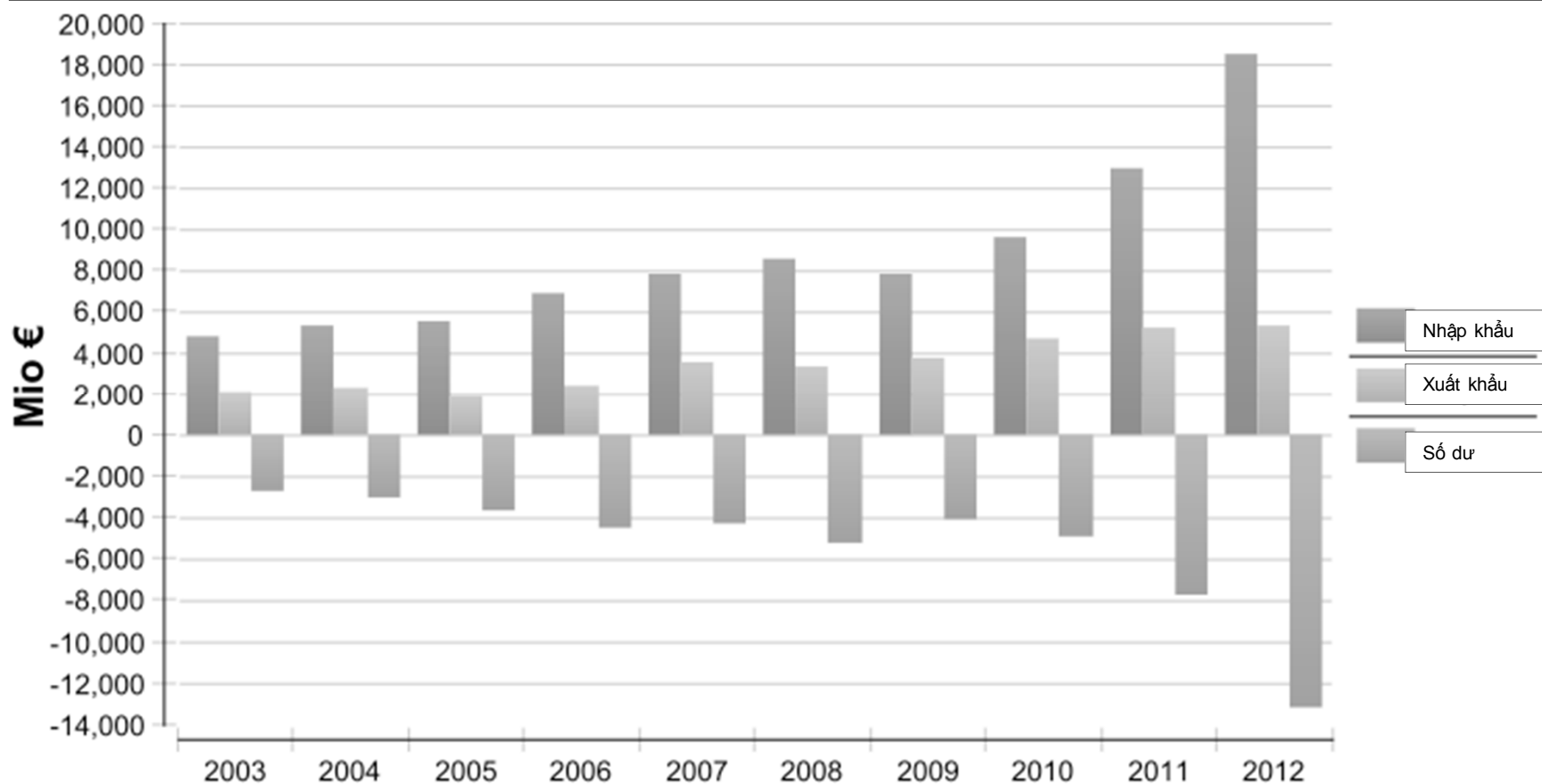
Đánh giá các mặt Xã hội, Kinh tế và Môi trường của Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU-Việt Nam

04/2014

Tình hình thương mại giữa EU-VN

Việt Nam có mức thặng dư lớn và đang gia tăng...

Thương mại giữa EU và Việt Nam (2003-2012)



Nguồn: Eurostat (2013) Thương mại hàng hóa giữa LM châu Âu và Việt Nam tại tháng 11

Mức độ bảo hộ

- Xuất khẩu của Việt Nam vào EU bị tính thuế trung bình 4.6%, nhưng con số này chưa phản ánh được mức thuế rất cao nhất
- Xuất khẩu của EU vào Việt Nam cũng gặp nhiều rào cản đối với một mặt hàng, đặc biệt là đồ uống có cồn và thuốc lá mức thuế là 100%, và phương tiện có động cơ, đặc biệt là xe máy.
- Ở cả hai phía, đằng sau các hạn chế tại biên giới, các rào cản còn bao gồm các biện pháp phi thuế quan
- Hạn chế về dịch vụ cũng rất rộng

Các cam kết FTA gần đây

- EU tự do hóa toàn bộ hoặc hơn 99% giao dịch thương mại trong vòng 7 năm
- EU đã vượt qua GATS về mặt dịch vụ, và bổ sung thêm nhiều hợp tác và cam kết về mua sắm công, chính sách cạnh tranh, đầu tư, TRIPS, thuận lợi hóa thương mại và hải quan, các thỏa thuận công nhận lẫn nhau, giải quyết các tranh chấp, quyền lao động, tăng cường năng lực và phát triển bền vững
- Việt Nam cũng có những cam kết tương tự về thương mại hàng hóa trong các thỏa thuận
- Việt Nam có xu hướng gắn với Nghị định thư về việc gia nhập WTO trong lĩnh vực dịch vụ và tránh các lĩnh vực có liên quan đến thương mại

Mục tiêu

- Tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của hiệp định thương mại tự do giữa EU-VN
- FTA vẫn đang trong quá trình đàm phán
- Việc miễn trừ chưa được xác định
- Quy định xuất xứ rất quan trọng
- Đánh giá các tác động về môi trường, xã hội, ngành ở phạm vi vĩ mô

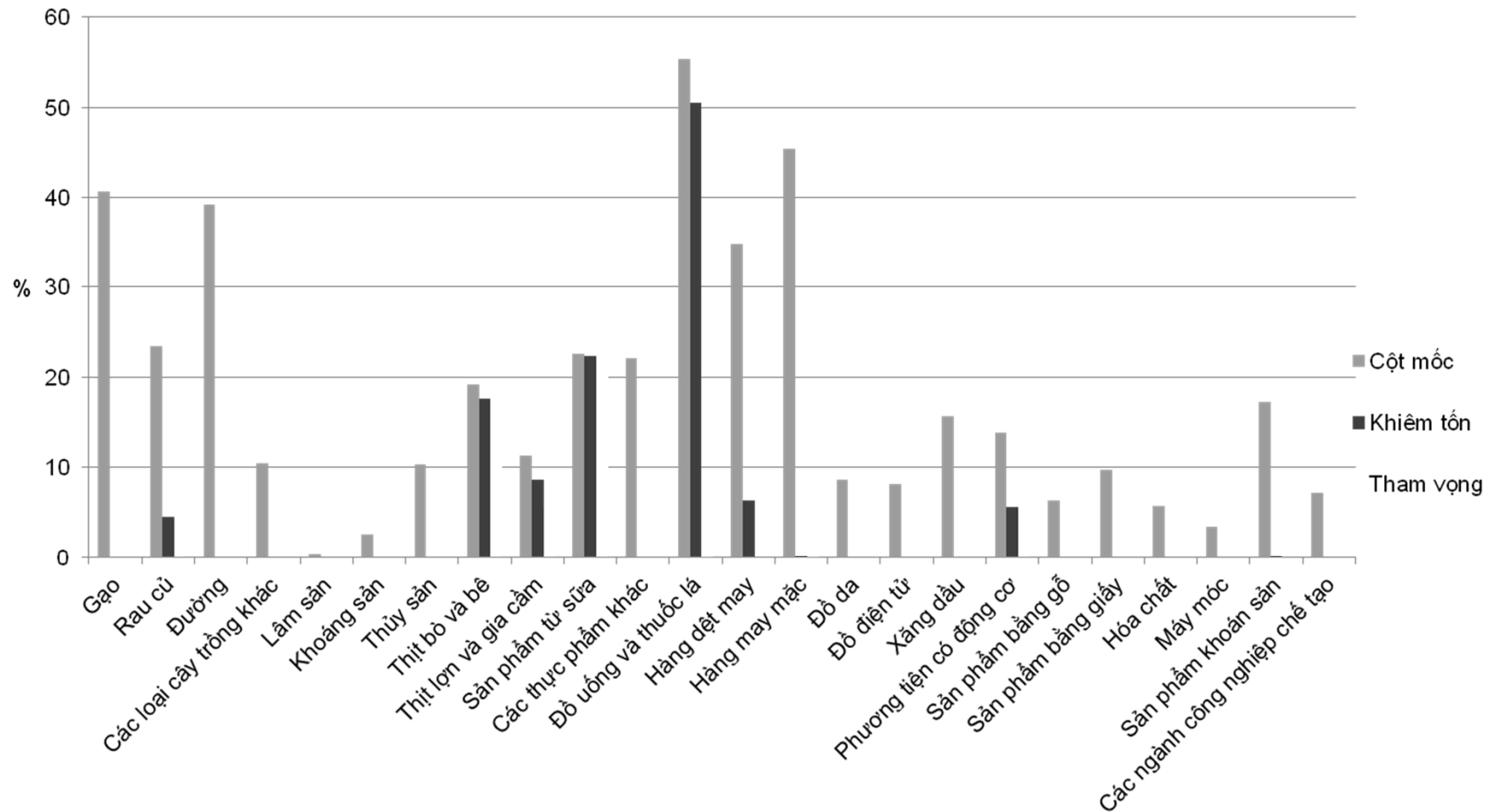
Phương pháp: Cân bằng tổng thể toàn cầu

- GTAP
- Phiên bản 8, cơ sở năm 2007
- Thương mại và thuế quan song phương
- Bao gồm ưu đãi thuế quan (cần thiết cho FTAs) từ TASTE 2013
- Toàn bộ nền kinh tế
- Bao gồm các hạn chế về nguồn lực (đất đai, lao động, vốn)
- Hạn chế – mỗi nước: mỗi khu vực, mỗi hộ gia đình

Kịch bản

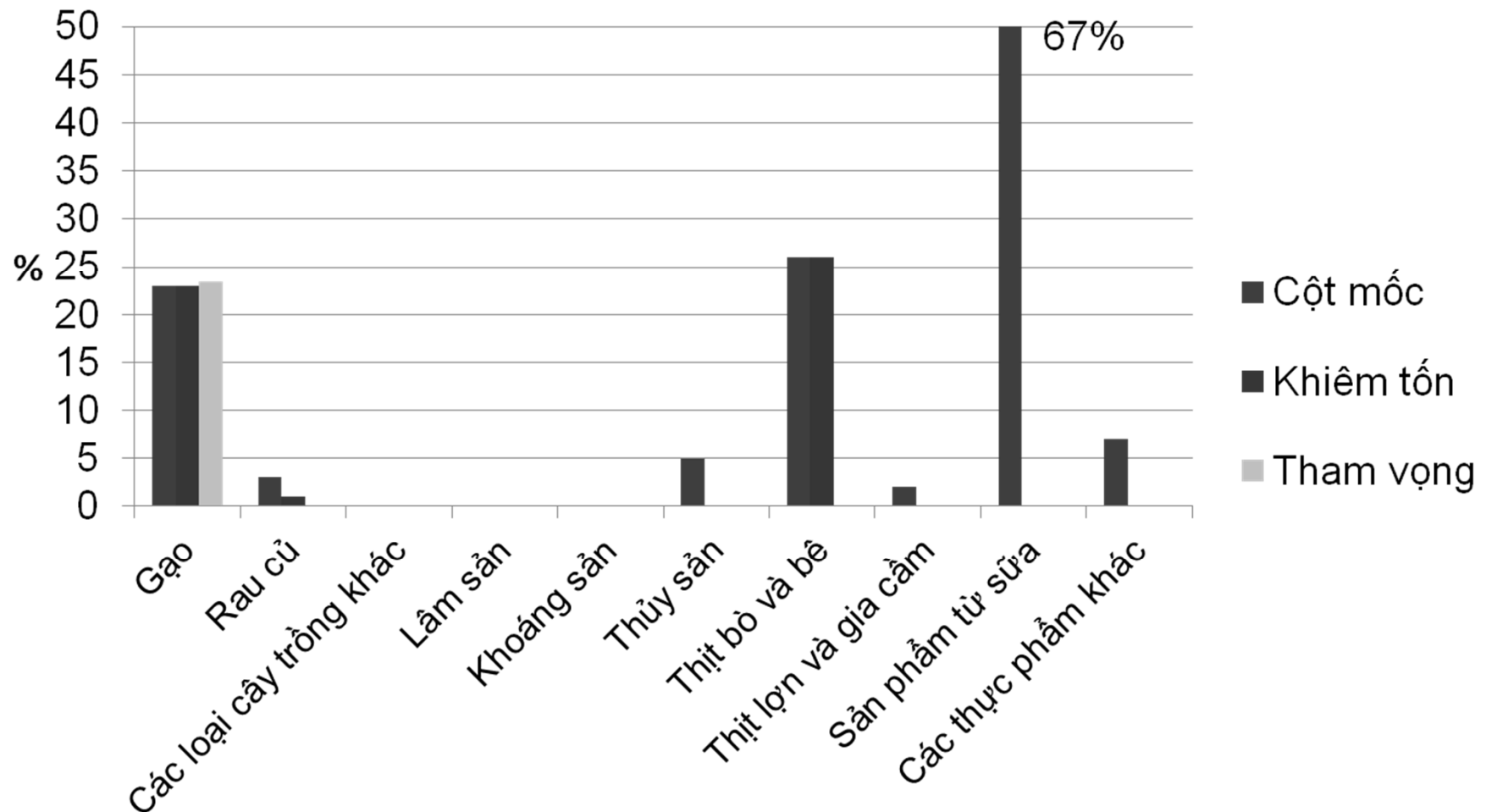
- Các cột mốc so với các năm 2015, 2020 và 2025
- FTA ‘khiêm tốn’ với nhiều loại miễn trừ
- FTA ‘tham vọng’ với một số ít loại miễn trừ
- Dịch vụ
- Đầu tư

Thuế quan đối với hàng VN nhập khẩu vào EU



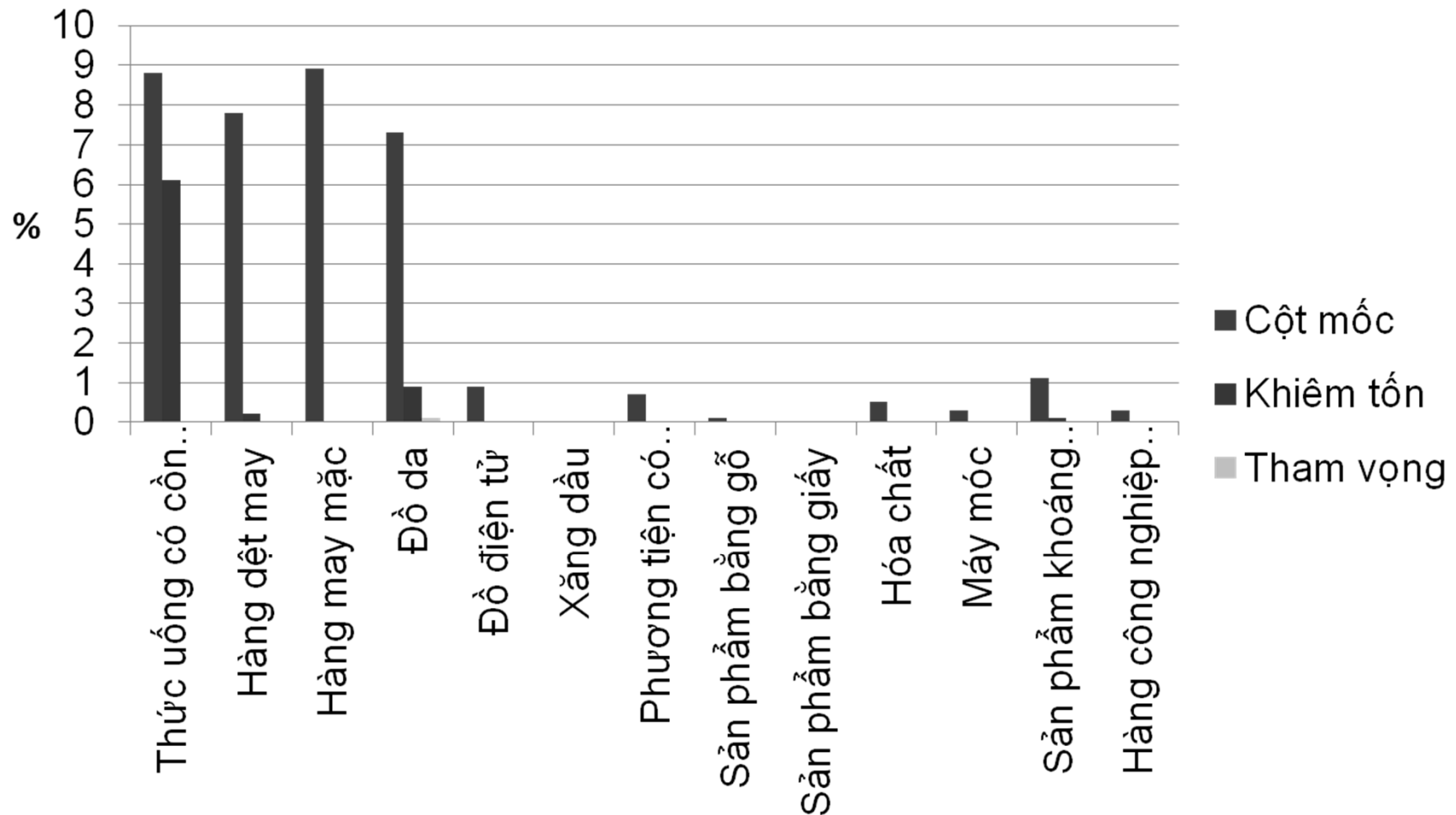
Nguồn: TASTE 2013 và các mô phỏng

Thuế đối với hàng nông nghiệp VN xuất khẩu vào EU



Nguồn: TASTE 2013 và các mô phỏng.
Miễn thuế gạo.

Thuế đối với hàng công nghiệp VN xuất khẩu vào EU

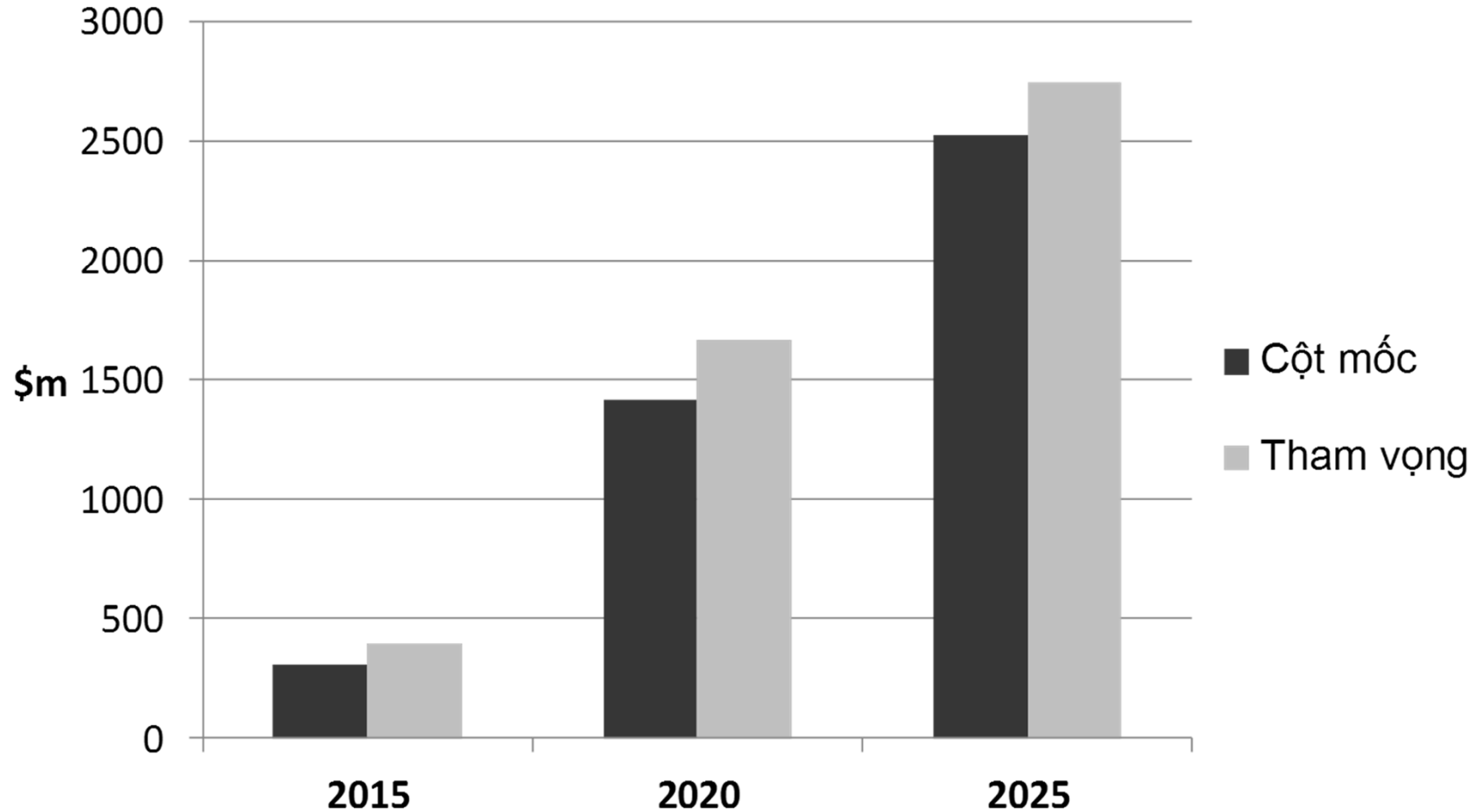


Source. TASTE 2013 and simulations.

Kết quả vĩ mô

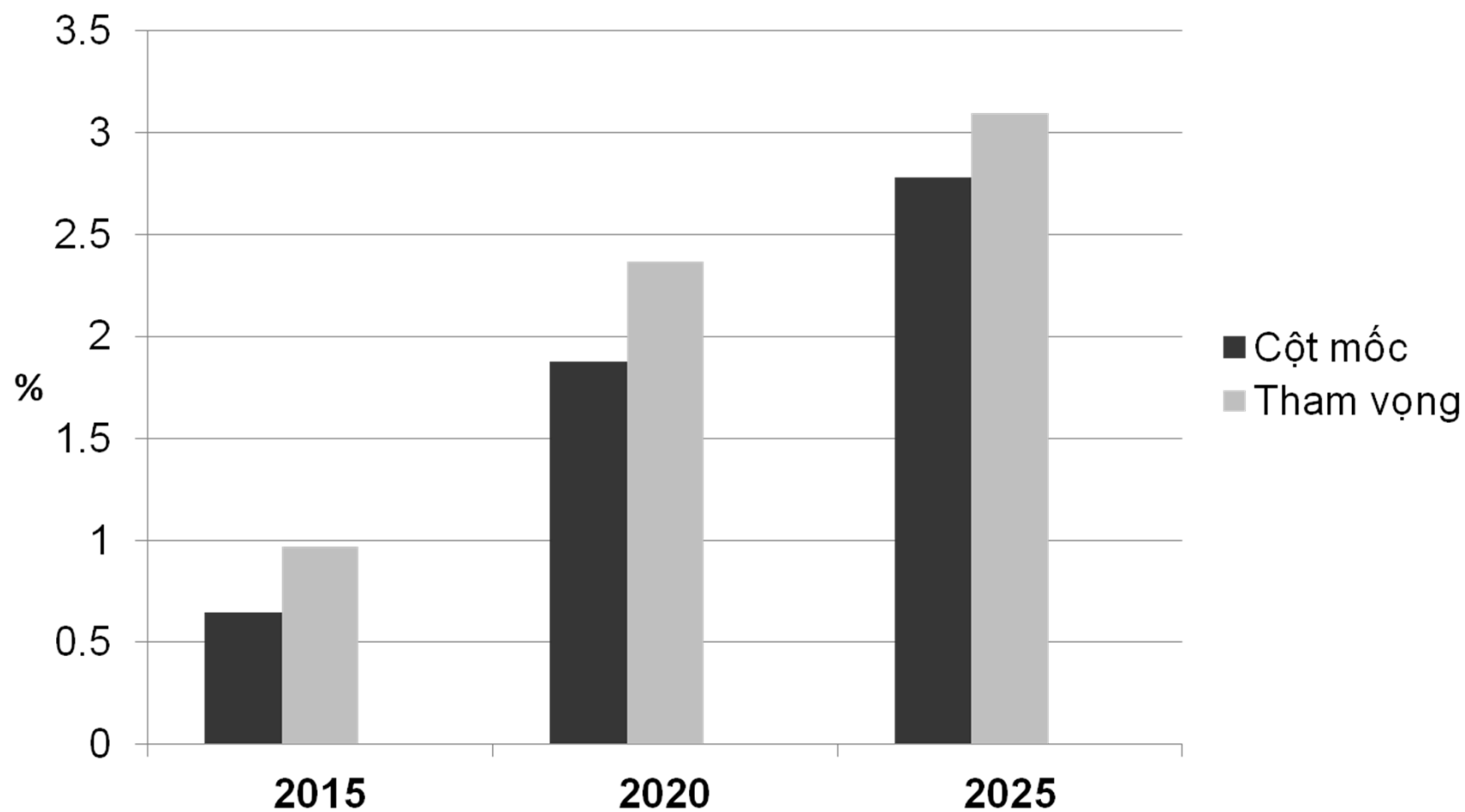
- Thương mại hàng hóa
 - Phúc lợi
 - Hàng xuất khẩu
 - Hàng nhập khẩu
 - Thâm hụt thương mại
 - Mức lương thực tế
- Môi trường
 - Khí thải carbon
- Dịch vụ
- Đầu tư

Lợi ích Việt Nam đạt được so sánh với mức cơ bản

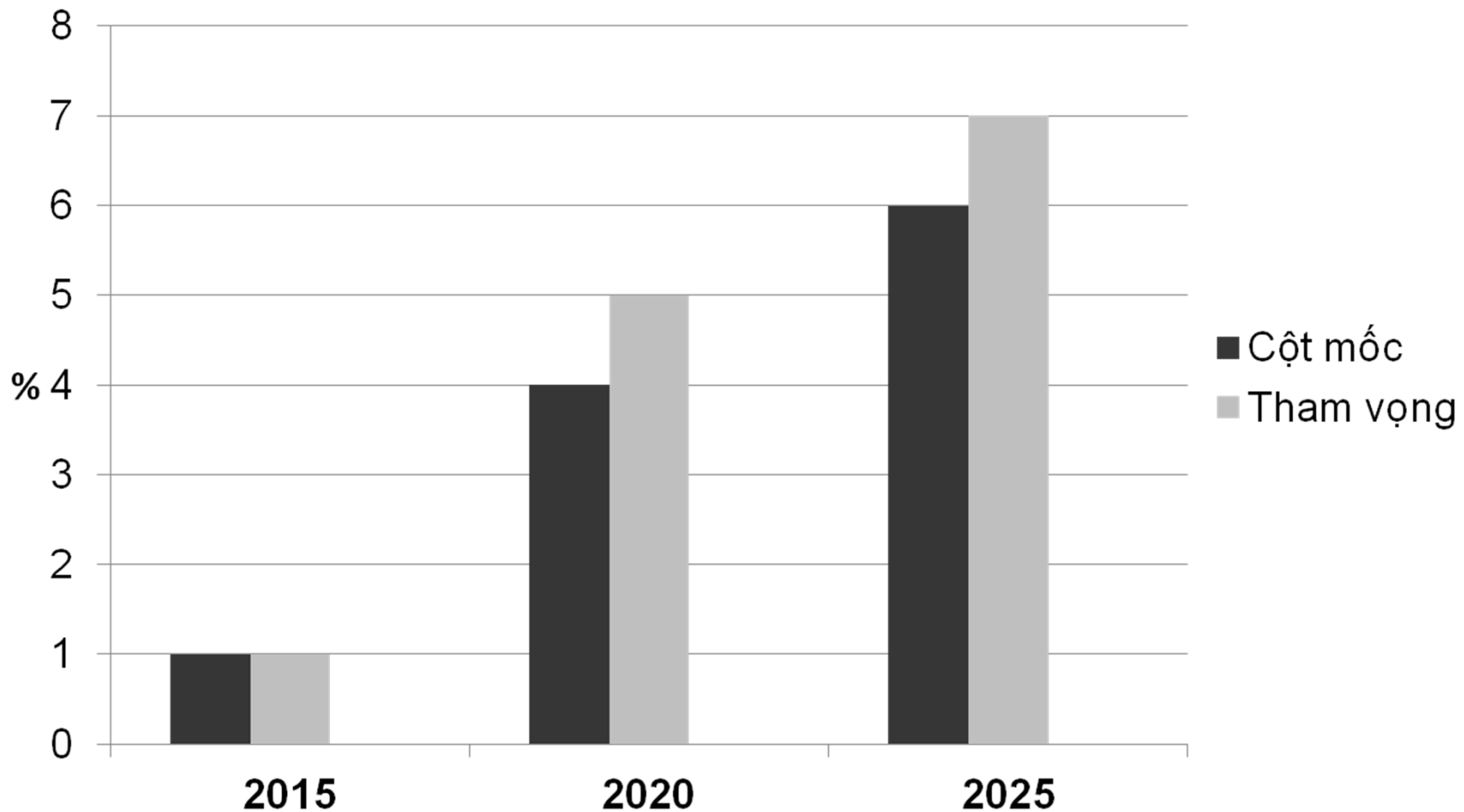


Lợi ích lớn hơn cùng với sự mở rộng của nền kinh tế

Tổng xuất khẩu của Việt Nam so sánh với mức cơ bản

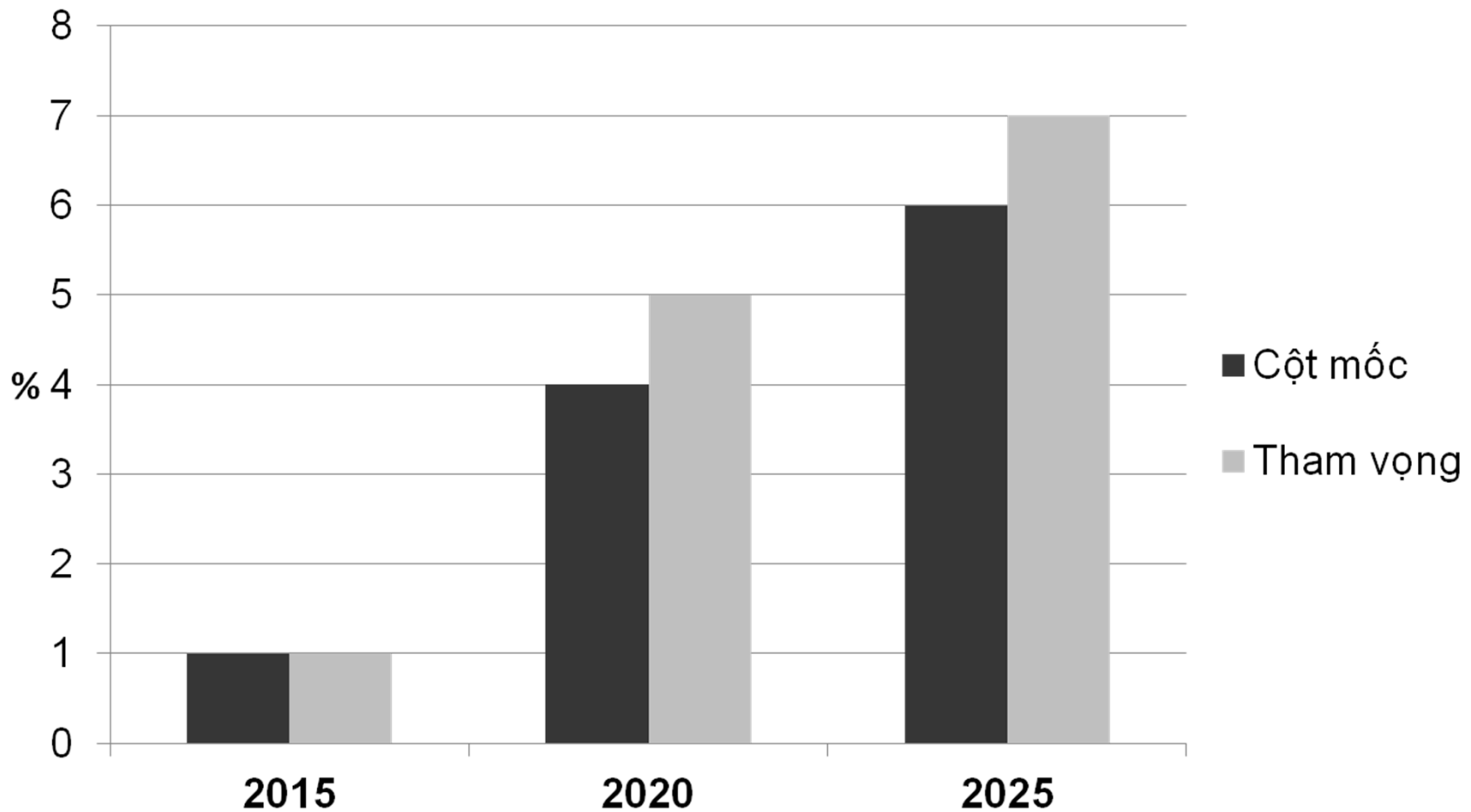


Tổng lượng nhập khẩu của Việt Nam so với mức cơ bản

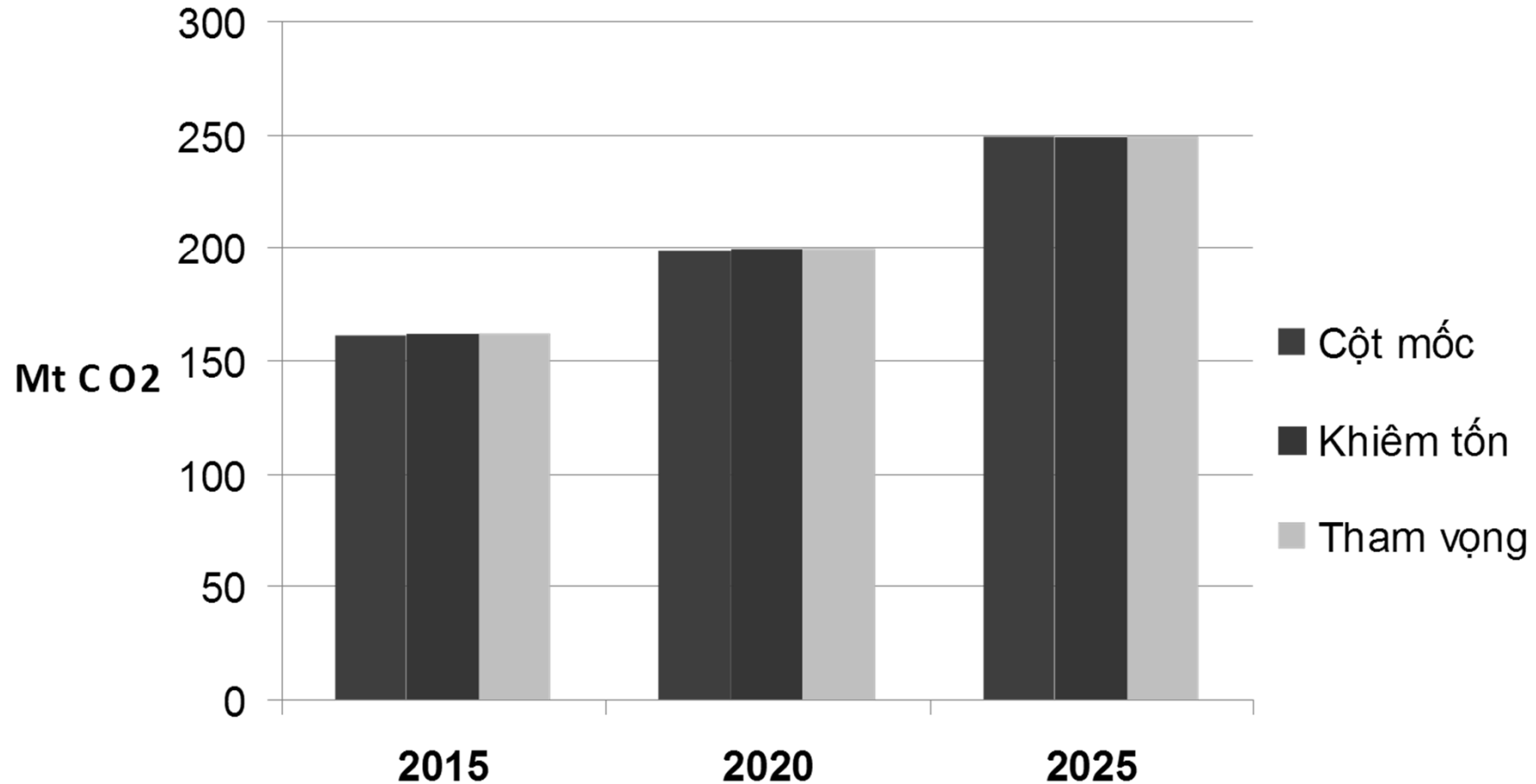


Lượng nhập khẩu tăng so với cột mốc nhưng mức tăng trong lượng nhập khẩu từ EU bù đắp cho mức giảm ở các mục khác.

Mức lương thực tế của Việt Nam so sánh với mức cơ bản

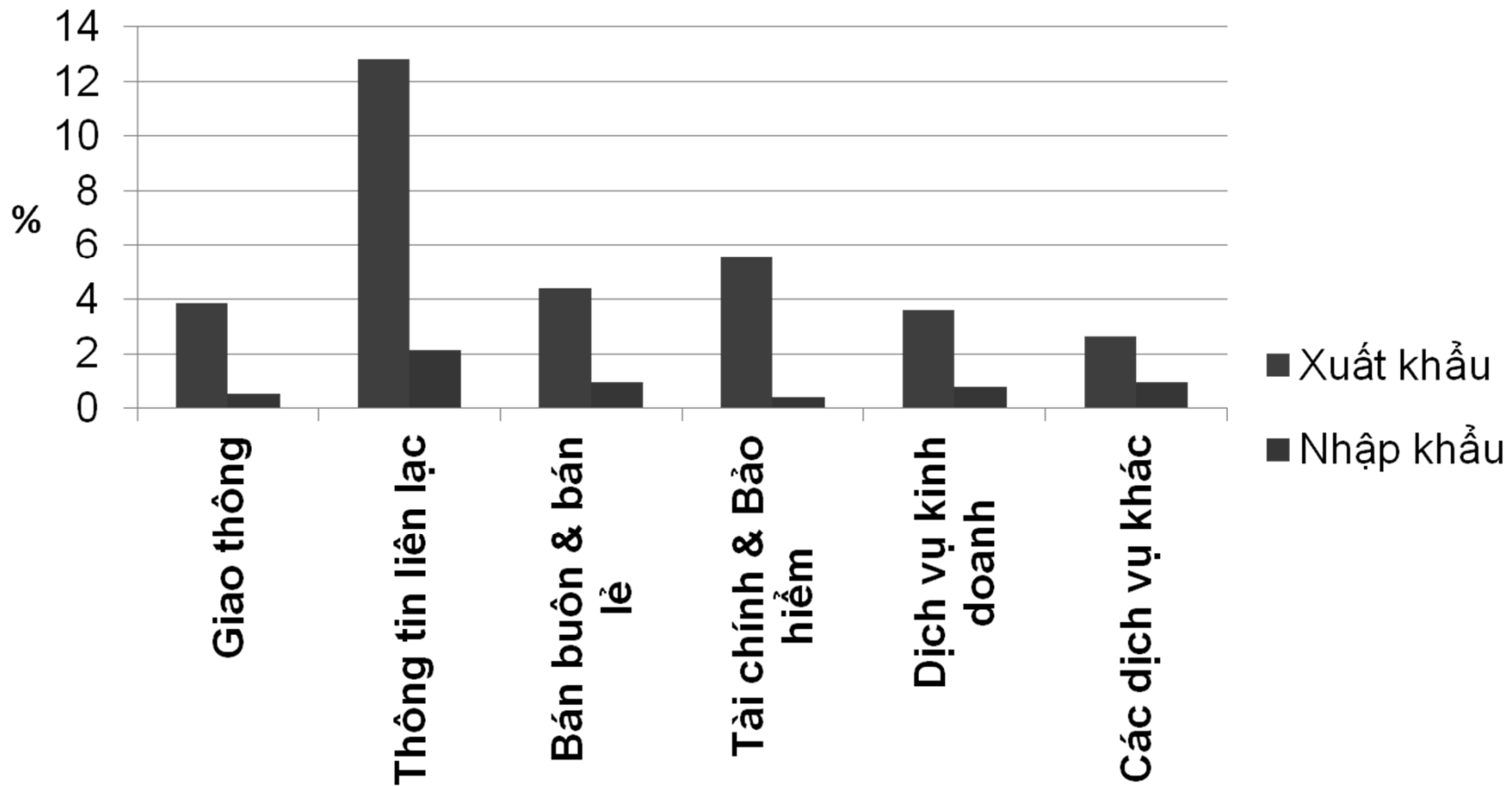


Lượng khí thải Carbon của Việt Nam so sánh với năm 2007



Không có thay đổi nhìn thấy được trong lượng khí thải.
Sản lượng lâm sản giảm. Giá đất giảm.

Lợi ích của Việt Nam từ việc cải cách dịch vụ so với mốc năm 2020



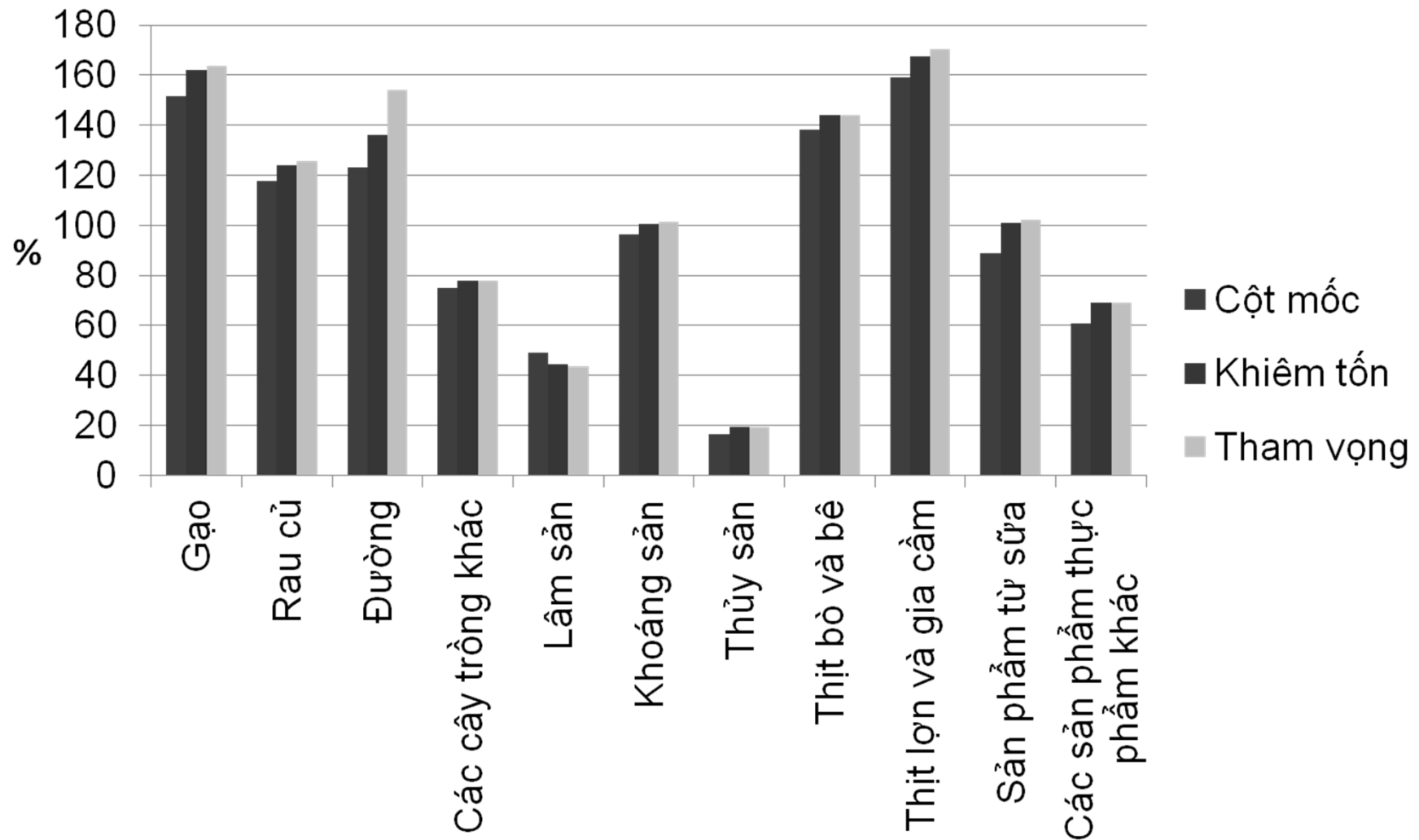
Chỉ cải thiện về khả năng tiếp cận song phương.
Lợi ích phúc lợi = \$321m.

Hiệu ứng liên ngành

- Nhập khẩu
- Xuất khẩu
- Sản lượng

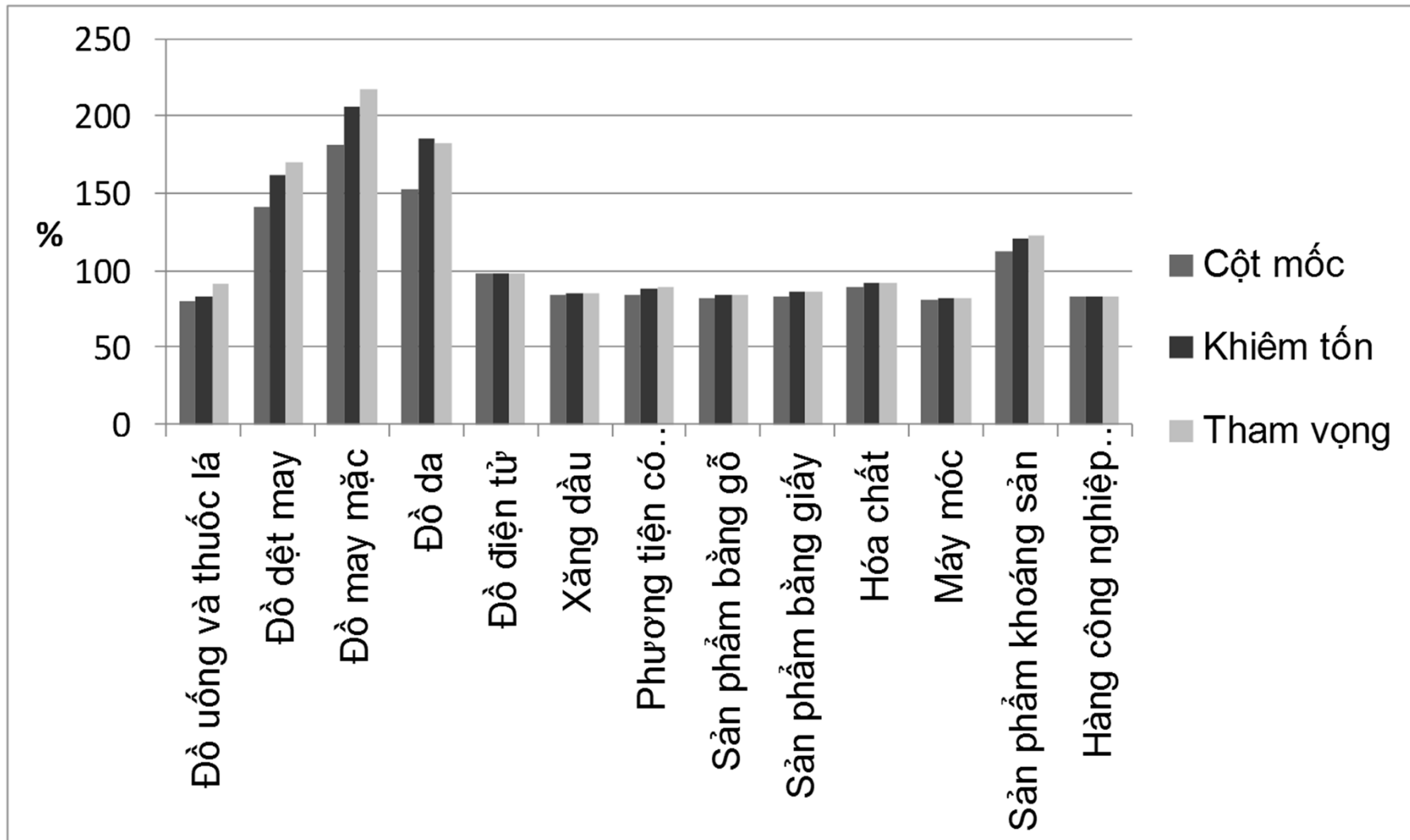
Nhập khẩu, nông nghiệp

So sánh thay đổi giữa năm 2020 và 2007



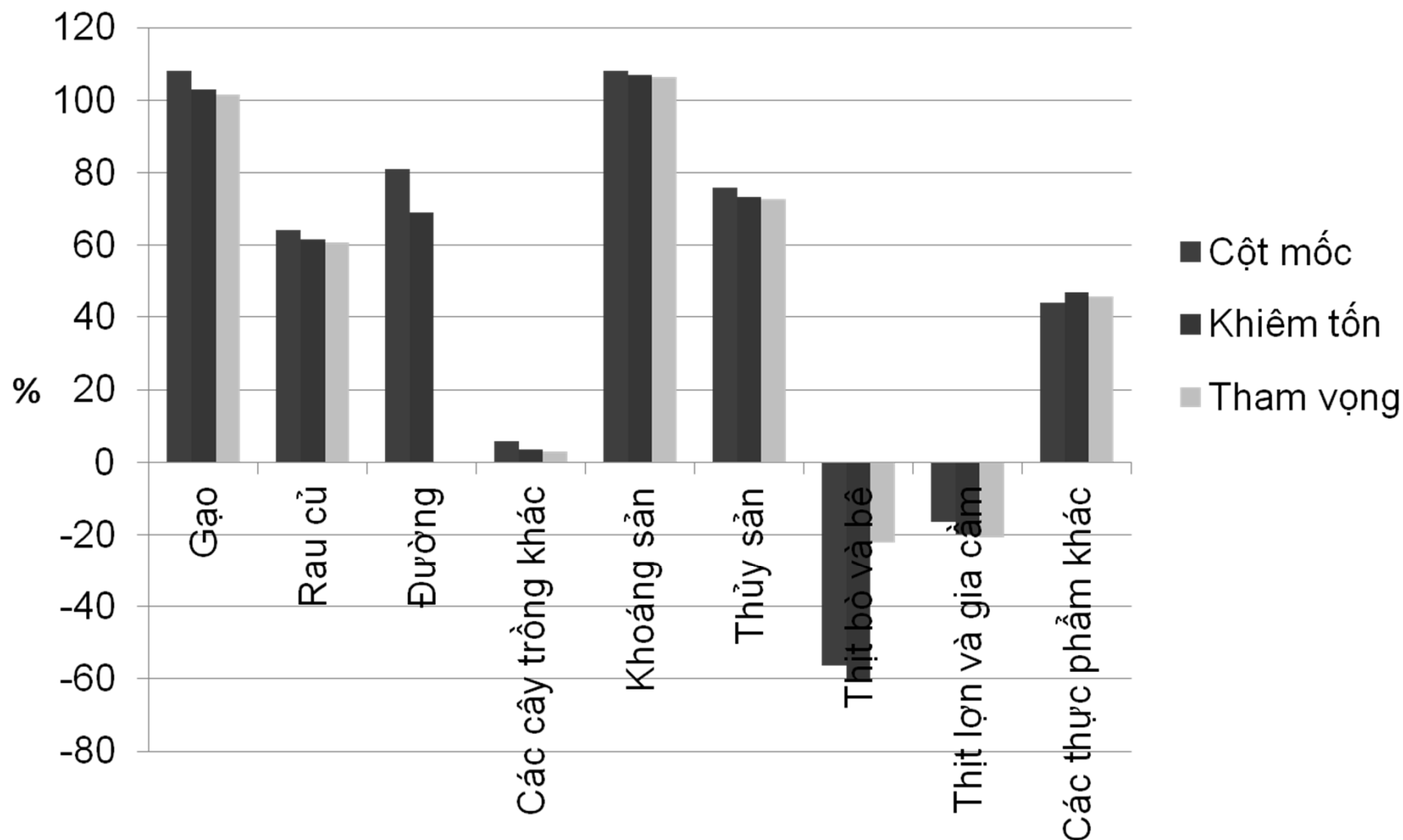
Nhập khẩu, công nghiệp

So sánh thay đổi giữa năm 2020 và 2007



Xuất khẩu, nông nghiệp

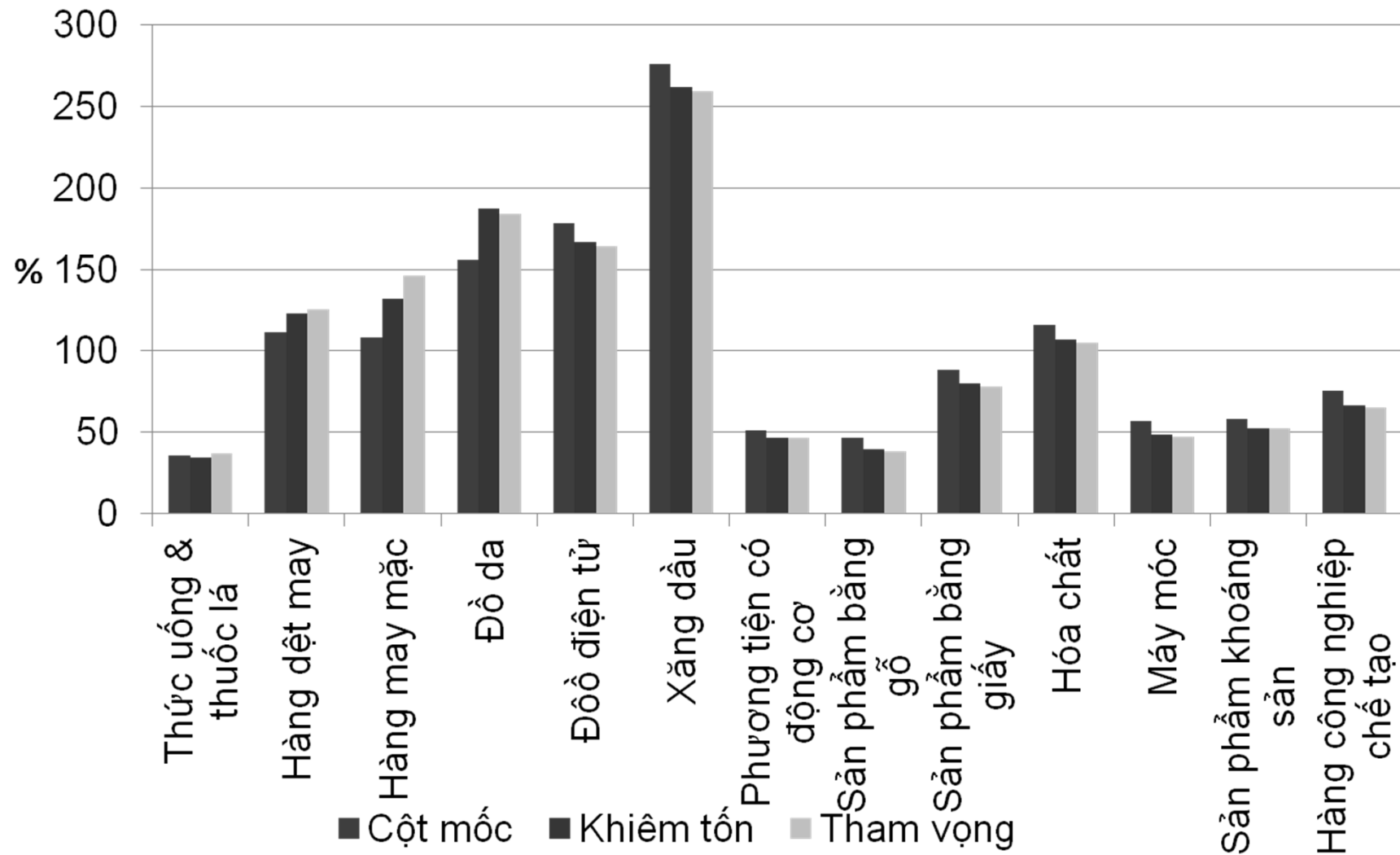
So sánh thay đổi giữa năm 2020 và 2007



Không tính các sản phẩm từ sữa và lâm sản.

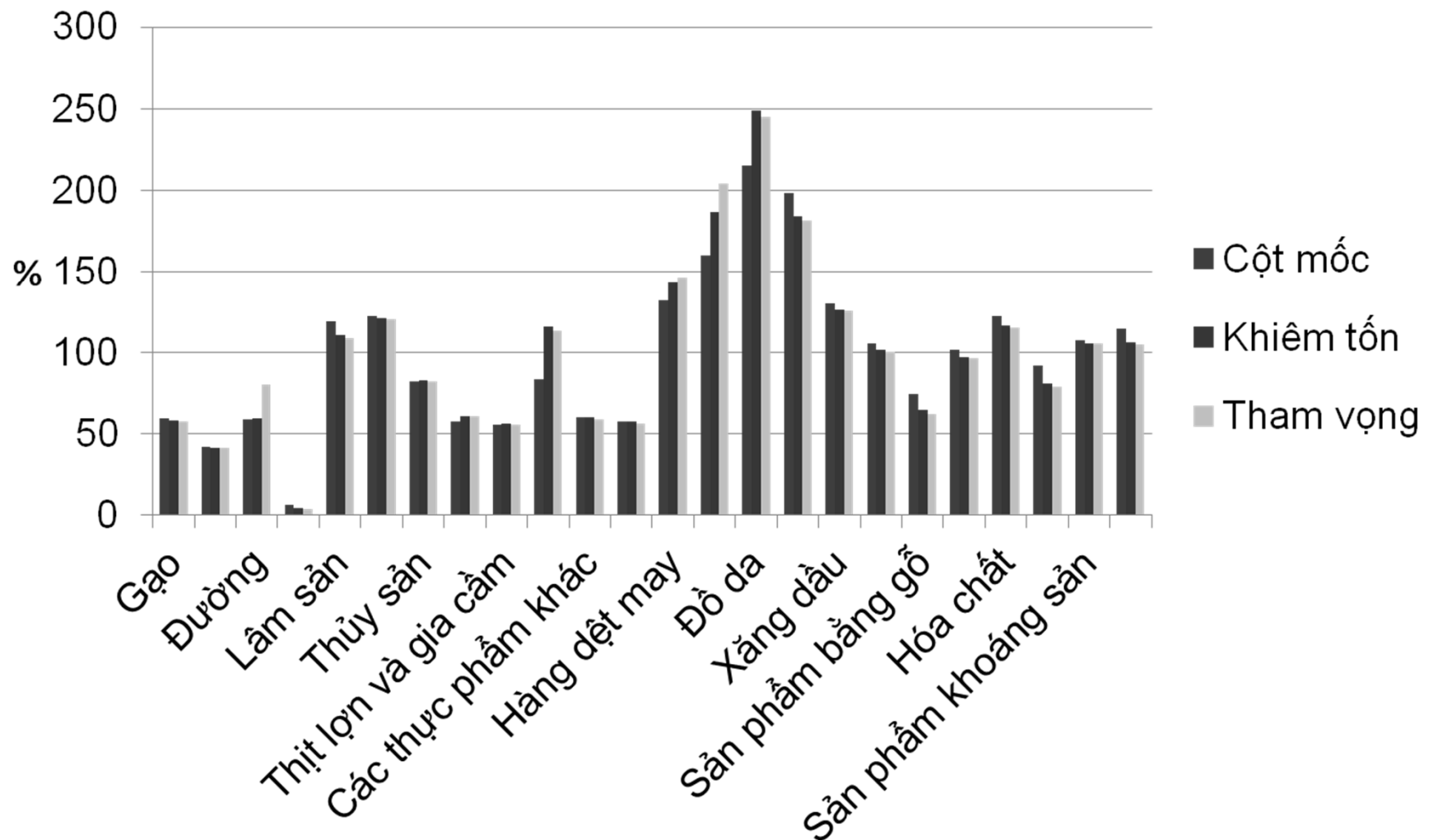
Xuất khẩu, công nghiệp

So sánh thay đổi giữa năm 2020 và năm 2007



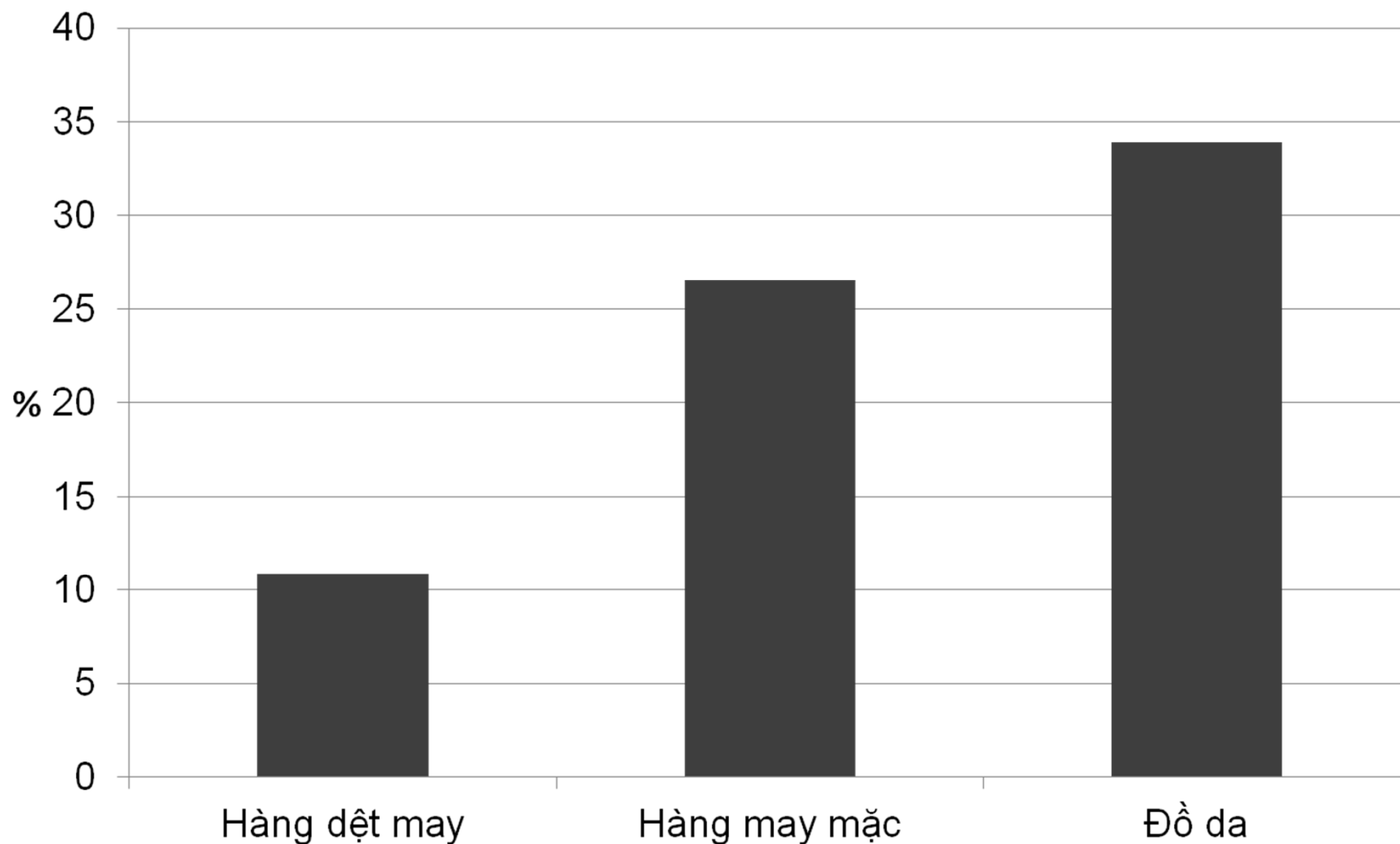
Sản lượng đầu ra

So sánh thay đổi giữa năm 2020 và cột mốc năm 2007



Sản lượng đầu ra trong ngành dệt may

So sánh thay đổi giữa năm 2020 và cột mốc năm 2007



Các vấn đề về nông nghiệp

- Lĩnh vực nông sản và thủy sản là các lĩnh vực nhạy cảm đối với cả hai bên trong đàm phán (về việc sử dụng các mức thuế “đỉnh”, trợ cấp, hỗ trợ thu nhập, v.v..)
- Tác động tới công ăn việc làm, xóa đói nghèo và phát triển nông thôn
- Việt Nam có những yêu cầu đầu vào quan trọng trong toàn chuỗi cung cấp trong lĩnh vực chế biến nông sản với xu hướng nhập khẩu cao.
- Các biện pháp phi thuế quan quan trọng (SPS, HACCP, EuropGAP, GAP, v.v...)

Các vấn đề về công nghiệp

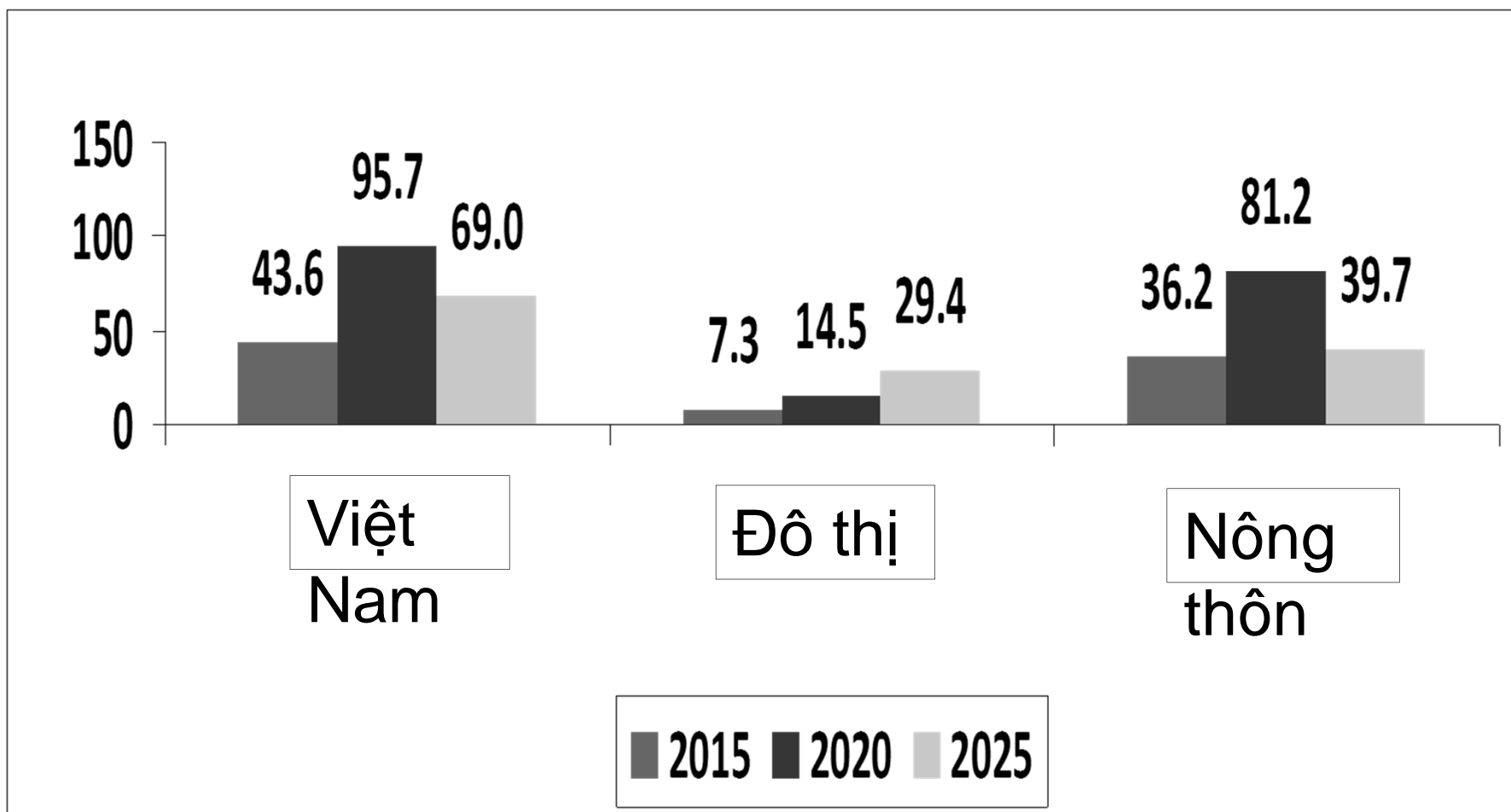
- Tất cả các lĩnh vực của Việt Nam đều có mức tăng trưởng cao và tính cạnh tranh cao.
- Ba lĩnh vực phát triển theo hướng xuất khẩu: dệt may, giày dép và đồ thủ công mỹ nghệ
- Đầu tư cũng tập trung chủ yếu vào 4 ngành: dệt may mặc, giày dép, công nghệ cao và máy móc tự động.
- Đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu.
- Các mối lo về quy định xuất xứ, tiêu chuẩn đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ

Các vấn đề về dịch vụ

- Các ngành dịch vụ của VN đều có mức phát triển nhanh, vốn đầu tư và tái cơ cấu lớn
- Các cam kết đi khá xa đối với Việt Nam
- Khả năng cạnh tranh của EU rất cao trong lĩnh vực dịch vụ
- Vấn đề của Việt Nam là không rõ ràng về chính sách, cấp phép, thực thi, quy định
- Vấn đề của EU đối với phương thức 3 và 4 => VN đặc biệt quan tâm. Hiện thời VN xuất khẩu chủ yếu dưới phương thức 1.
- Dịch vụ chuyên nghiệp thường khá phức tạp để tự do hóa

Số người thoát nghèo

So sánh giữa cột mốc và viễn cảnh tham vọng ('000)



Đóng góp cho tăng trưởng thu nhập

Đối với người dân nghèo trong tất cả các viễn cảnh (điểm phần trăm)

	<i>Base2015</i>	<i>Mod2015</i>	<i>Amb2015</i>	<i>Base2020</i>	<i>Mod2020</i>	<i>Amb2020</i>	<i>Base2025</i>	<i>Mod2025</i>	<i>Amb2025</i>
Đất đai	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1	0.2	0.2	0.2
LĐ không có tay nghề	32.2	32.7	33.0	64.8	67.3	67.9	103.9	108.8	109.4
LĐ có tay nghề	0.1	0.1	0.1	0.2	0.2	0.2	0.3	0.3	0.3
Vốn	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
Tổng tăng trưởng	32.4	32.9	33.2	65.2	67.6	68.3	104.5	109.3	110.0

Tóm tắt

- Việt Nam chắc chắn hưởng lợi từ FTA
 - Thương mại hai chiều tăng
 - Thu nhập và mức lương thực tế tăng
 - Tuy nhiên, lợi ích đạt được khá nhỏ so với mức tăng trưởng cơ bản
 - Mức tăng trưởng phụ thuộc vào vốn và năng suất
- Về mặt môi trường
 - Không có sự thay đổi rõ ràng về mặt môi trường

Tóm tắt – các tác động về mặt xã hội

- Tác động lên mọi mặt, tuy nhiên không lớn
- Ảnh hưởng tích cực nhất vào năm 2020
- Bối cảnh tham vọng có xu hướng tác động lớn hơn (95.7 nghìn người thoát nghèo vào năm 2020 nhờ việc thực hiện FTA)
- Thêm nhiều ảnh hưởng tích cực đối với người dân nông thôn
- NCC và MRD hưởng lợi nhiều nhất
- Các đóng góp quan trọng:
 - Tăng mức lương thực tế cho lao động tay nghề thấp, người nghèo
 - Tăng công ăn việc làm

Hàm ý chính sách

- Tự do hóa càng sớm càng tốt, bao gồm cả nông nghiệp, dệt may và các phương tiện có động cơ
- Tập trung tăng trưởng vốn và năng suất
- Phân bổ vốn là rất quan trọng
- Với một nền kinh tế mở rộng, tái cơ cấu không phải là vấn đề lớn
- Giải quyết các vấn đề môi trường bằng các chính sách về môi trường, không phải chính sách thương mại

Hàm ý chính sách II

- Thông qua tiếp cận theo chuỗi giá trị trong đàm phán
- Mua sắm công – tập trung vào việc minh bạch và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước
- Cải thiện việc giải quyết các tranh chấp và bảo đảm giám sát việc thực thi thỏa thuận
- Xem xét kỹ các quy định xuất xứ để đảm bảo phù hợp với tiềm năng công nghiệp
- Sẵn sàng cạnh tranh, giải quyết tranh chấp, khu vực đầu tư, v.v...
- Coi FTA như một phương tiện để thúc đẩy để chống lại việc tăng cường khối cơ cấu kinh tế hiện tại

Cảnh báo

- Đảm bảo lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp và các thành phần phi nhà nước cũng phải đưa vào thỏa thuận cuối
- Việc tư vấn, phân tích các bên liên quan và nhận thức về các cuộc đàm phán vẫn còn (cực kỳ) yếu ở Việt Nam
- Sự thiếu hiểu biết về hiệp định và các ảnh hưởng của hiệp định sẽ dẫn tới kết quả không tốt!